

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN
CHỨC DANH: Phó Giáo sư
Mã hồ sơ:



(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ; Nội dung không đúng thì để trống:)

Đối tượng đăng ký: Giảng viên

Ngành: Kinh tế; Chuyên ngành: Kinh doanh và Quản lý

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. **Họ và tên người đăng ký:** HUỲNH THỊ THU SƯƠNG

2. **Ngày tháng năm sinh:** 2/4/1974; Nữ ; Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không

3. **Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam:**

4. **Quê quán:** Xã Điện Phong, Huyện Điện Bàn, Tỉnh Quảng Nam.

5. **Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:** A3.27.09 Vinhomes Golden River, số 2 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP.HCM.

6. **Địa chỉ liên hệ:** Huỳnh Thị Thu Sương, Khoa Quản trị Kinh doanh, Trường Đại học Tài chính - Marketing, số 778 Nguyễn Kiệm, Phường 4, Q. Phú Nhuận, TP.HCM.

Điện thoại di động: 0908.428.136; E-mail: huynhthusuong@ufm.edu.vn

7. Quá trình công tác:

- Từ tháng 01/2004 đến 8/2017: Giảng viên biên chế Trường Cao đẳng Tài chính - Hải quan, chức vụ Phó Trưởng khoa (từ 01/01/2006 - 31/12/2007) và Trưởng khoa (từ 01/01/2008 - 31/8/2017).

- Từ tháng 9/2017 đến nay: Giảng viên biên chế Trường Đại học Tài chính - Marketing, chức vụ: Trưởng khoa (từ 02/10/2017 theo Quyết định số 1440/QĐ-ĐHTCM).

- Tham gia giảng dạy đại học và sau đại học:

+ Tham gia giảng dạy đại học chương trình chất lượng cao, chương trình quốc tế, chương trình liên kết quốc tế tại Trường Đại học Tài chính - Marketing.

+ Tham gia giảng dạy sau đại học chương trình MBA tiếng việt và chương trình liên

kết với HELP và NPU tại: Trường Đại học Tài chính – Marketing.

- Chức vụ hiện nay: Trưởng Khoa; Chức vụ cao nhất đã qua: Trưởng Khoa
- Cơ quan công tác hiện nay: Khoa Quản trị Kinh doanh, Trường Đại học Tài chính – Marketing.
- Địa chỉ cơ quan: số 778 Nguyễn Kiệm, Phường 4, Quận Phú Nhuận, TP.HCM. Điện thoại cơ quan: 0283.7720408 (số nhánh: 355).
- Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học: Trường Đại học Bình Dương, Trường Đại học Ngoại ngữ - Tin học TP.HCM, Trường Đại học Trà Vinh và Trường ĐH Sài Gòn.

8. Đã nghỉ hưu: Đang công tác tại Trường Đại học Tài chính - Marketing, đã đạt chuẩn Giảng viên chính từ tháng 4/2018.

- Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu: Đang công tác

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 03 năm cuối: Trường Đại học Bình Dương, Trường Đại học Trà Vinh.

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng Đại học ngày 27 tháng 7 năm 1998, ngành: Kinh tế, chuyên ngành: Kinh tế Thủy sản.

Nơi cấp bằng ĐH (trường, nước): Trường Đại học Thủy sản (nay là Trường Đại học Nha Trang), Việt Nam.

- Được cấp bằng ĐH ngày 06 tháng 9 năm 2005, ngành: Tiếng anh, chuyên ngành: Ngôn ngữ học ứng dụng.

Nơi cấp bằng Đại học (trường, nước): Trường đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn TP.HCM, Việt Nam.

- Được cấp bằng ThS ngày 15 tháng 12 năm 2005, chuyên ngành: Kinh tế.

Nơi cấp bằng Thạc sĩ (trường, nước): Trường Đại học Kinh tế TP.HCM, Việt Nam.

- Được cấp bằng Tiến sĩ ngày 8 tháng 10 năm 2013, chuyên ngành: Kinh doanh và Quản lý.

Nơi cấp bằng Tiến sĩ (trường, nước): Trường Đại học Kinh tế TP.HCM, Việt Nam.

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS: chưa

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó Giáo sư tại HĐGS cơ sở: Trường Đại học Công nghiệp Thực phẩm Thành phố Hồ Chí Minh.

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư tại HĐGS ngành, liên ngành: Kinh tế.

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

- Quản trị nguồn nhân lực trong bối cảnh toàn cầu: Đối với hướng nghiên cứu này, ứng viên chủ yếu tập trung vào việc nhận diện rõ:

+ Tác động của thực tiễn Quản trị Nguồn nhân lực đến các thành tố đầu ra của tổ

chức công lẫn tư, gồm: kết quả thực hiện công việc của người lao động, hành vi của người lao động (động lực làm việc, hài lòng, đam mê, gắn kết, trung thành, nghỉ việc).

+ Vai trò của nhà lãnh đạo tác động đến hoạt động của tổ chức, qua đó góp phần nâng cao năng lực, vị thế và lựa chọn chiến lược phù hợp để tham gia hiệu quả vào thị trường toàn cầu.

- Quản trị chuỗi cung ứng toàn cầu: Đối với hướng nghiên cứu này, ứng viên tập trung vào chiến lược liên kết giữa các doanh nghiệp trong quá trình vận hành hoạt động kinh doanh, gồm:

+ Hợp tác chuỗi cung ứng là kim chỉ nam giúp các doanh nghiệp kinh doanh quốc tế mở rộng thị trường và bán hàng thông qua việc chủ động lựa chọn khâu/công đoạn tham gia vào chuỗi cung ứng toàn cầu;

+ Vai trò của nhân tố con người được xem là vốn nhân lực trong việc thiết lập các mối quan hệ mang tính liên kết gồm *liên kết ngang* (giữa nhà cung cấp, nhà sản xuất và nhà phân phối) và *liên kết dọc* (giữa các nhà cung cấp với các nhà cung cấp, giữa các nhà sản xuất và giữa các nhà phân phối với nhau).

- Các khía cạnh về tìm kiếm cơ hội thúc đẩy quan hệ thương mại của Việt Nam với các quốc gia trong khu vực và toàn cầu hướng đến phát triển bền vững.

+ Nhận diện các thuận lợi lẫn rào cản của quá trình thực hiện quan hệ thương mại giữa Việt Nam với thị trường khu vực và thị trường thế giới xét dưới góc độ quốc gia, ngành, doanh nghiệp;

+ Đề xuất hệ thống giải pháp cung cấp cho các nhà quản trị doanh nghiệp, các nhà quản lý cấp ngành và quốc gia trong hoạch định chiến lược ứng phó hiệu quả trong bối cảnh cạnh tranh toàn cầu và hướng đến phát triển bền vững.

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn: **12** học viên cao học bảo vệ thành công luận văn ThS.

- Đã hoàn thành đề tài NCKH từ cấp cơ sở trở lên: **09**, trong đó số lượng cấp Bộ: **02**.

- Đã công bố **55** bài báo khoa học, trong đó:

+ **07** bài công bố trên tạp chí khoa học quốc tế thuộc danh mục Scopus, ESCI/ISI

+ **03** bài báo công bố trên tạp chí quốc tế

+ **09** bài công bố trên Hội thảo quốc tế

+ **02** bài công bố trên Hội thảo Khoa học quốc gia

+ **34** bài báo công bố trên các tạp chí khoa học chuyên ngành trong nước thuộc danh mục được Hội đồng Giáo sư Nhà nước tính điểm.

- Đã được cấp (số lượng): 0 bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích;

- Số lượng sách đã xuất bản **05** cuốn sách gồm: chủ biên **02** giáo trình phục vụ đào tạo bậc Đại học, chủ biên **02** sách chuyên khảo và tham khảo phục vụ giảng dạy Sau đại học và Đại học và chủ biên **01** chương sách công bố quốc tế với nhà xuất bản uy tín phục vụ đào

tạo Đại học và Sau đại học.

- Số lượng tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục, thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế: Không.

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu):

Năm	Danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng	Số và ngày cấp Quyết định của danh hiệu thi đua, cơ quan ban hành quyết định
2021	Chiến sĩ thi đua cơ sở	Quyết định số 260/QĐ-ĐHTCM, ngày 30/01/2021 của Trường Đại học Tài chính - Marketing.
	Bằng khen	Quyết định số 1236/QĐ-BTC, ngày 28/6/2021 của Bộ Tài chính
2020	Chiến sĩ thi đua cơ sở	Quyết định số 119/QĐ-ĐHTCM, ngày 10/02/2020 của Trường Đại học Tài chính - Marketing
	Giấy khen	Quyết định số 1085/QĐ-ĐHTCM, ngày 18/6/2020 của Trường Đại học Tài chính - Marketing
2019	Chiến sĩ thi đua cơ sở	Quyết định số 355/QĐ-ĐHTCM, ngày 25/02/2019 của Trường Đại học Tài chính - Marketing
2018	Chiến sĩ Thi đua toàn quốc	Quyết định số 1192/QĐ-TTg, ngày 18/9/2018 của Thủ tướng Chính phủ
2017	Chiến sĩ thi đua cơ sở	Quyết định số 102/QĐ-TCHQ, ngày 15/5/2017 của Trường Cao đẳng Tài chính - Hải quan (nay là Trường Đại học Tài chính – Marketing)
	Chiến sĩ thi đua ngành Tài chính	Quyết định số 282/QĐ-BTC, ngày 13/02/2017 của Bộ Tài chính
2016	Bằng khen	Quyết định số 569/QĐ-BTC, ngày 25/3/2016 của Bộ Tài chính.
	Giấy khen	Quyết định số 321/QĐ-TCHQ, ngày 14/11/2016 của Trường Cao đẳng Tài chính - Hải quan (nay là Trường Đại học Tài chính – Marketing)
2015	Chiến sĩ thi đua cơ sở	Quyết định số 237/QĐ-TCHQ, ngày 08/9/2015 của Trường Cao đẳng Tài chính - Hải quan (nay là Trường Đại học Tài chính – Marketing)
2014	Chiến sĩ thi đua ngành Tài chính, thành tích XS tiêu biểu trong hoạt động GD.	Quyết định số 267/QĐ-BTC, ngày 10/02/2014 của Bộ Tài chính

	Chiến sĩ thi đua cơ sở	Quyết định số 213/QĐ-TCHQ ngày 23/10/2014 của Trường Cao đẳng Tài chính - Hải quan (nay là Trường Đại học Tài chính – Marketing)
2013	Chiến sĩ thi đua cơ sở	Quyết định số 118/QĐ-TCHQ ngày 04/10/2013 của Trường Cao đẳng Tài chính - Hải quan (nay là Trường Đại học Tài chính – Marketing)
2012	Chiến sĩ thi đua cơ sở	Quyết định số 198/QĐ-KT, ngày 30/10/2012 của Trường Cao đẳng Tài chính - Hải quan (nay là Trường Đại học Tài chính – Marketing)
	Bằng khen	Quyết định số 3305/QĐ-BTC, ngày 27/12/2012 của Bộ Tài chính.
2011	Chiến sĩ thi đua cơ sở	Quyết định số 227/QĐ-KT, ngày 05/10/2011 của Trường Cao đẳng Tài chính - Hải quan (nay là Trường Đại học Tài chính – Marketing)
2010	Chiến sĩ thi đua cơ sở	Quyết định số 110/QĐ-KT, ngày 12/10/2010 của Trường Cao đẳng Tài chính - Hải quan (nay là Trường Đại học Tài chính – Marketing)
2009	Lao động tiên tiến	Quyết định số 139/QĐ-TCHC, ngày 22/9/2009 của Trường Cao đẳng Tài chính - Hải quan (nay là Trường Đại học Tài chính – Marketing)
2008	Chiến sĩ thi đua cơ sở	Quyết định số 279/QĐ-TCHC, ngày 11/11/2008 của Trường Cao đẳng Tài chính - Hải quan (nay là Trường Đại học Tài chính – Marketing)
	Chiến sĩ thi đua ngành Tài chính	Quyết định số 2652/QĐ-BTC, ngày 26/11/2008 của Bộ Tài chính.
2007	Chiến sĩ thi đua cơ sở	Quyết định số 297/QĐ-TCHC, ngày 01/11/2007 của Trường Cao đẳng Tài chính - Hải quan (nay là Trường Đại học Tài chính – Marketing)
2006	Bằng khen	Quyết định số 3718/QĐ-BTC, ngày 14/11/2006 của Bộ Tài chính

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định): Không.

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo:

Đã hoàn thành tốt tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo, liên tục đạt danh hiệu Chiến sĩ thi

đưa cấp cơ sở, Giấy khen Điển hình tiên tiến cấp Trường giai đoạn 2015-2019, chiến sĩ thi đua cấp ngành Tài chính và 01 lần đạt *Chiến sĩ thi đua toàn quốc* vào năm 2018 trong quá trình công tác tại Trường Đại học Tài chính - Marketing.

2. Thời gian, kết quả tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

- Tổng số 16 năm 7 tháng (tính đến 31/7/2021)

- Khai cụ thể ít nhất 06 năm học từ 2015-2021 như sau:

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS đã hướng dẫn	Số đề án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số lượng giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ giảng trực tiếp/giờ quy đổi/Số giờ định mức(*)
		Chính	Phụ			ĐH	SĐH	
1	2015-2016	0	0	02	0	90	390	480/675/270
2	2016-2017	0	0	02	0	0	360	360/540/270
3	2017-2018	0	0	3	10	45	360	405/585/197,1
03 năm học cuối								
4	2018-2019	0	0	01	8	45	270	315/450/189
5	2019-2020	0	0	3	5	135	135	270/337,5/189
6	2020-2021	0	0	01	8	180	165	345/427,5/188,25

(*) Ghi chú:

- Năm học 2017-2018 như sau:

+ Từ 15/6/2015 đến 28/12/2017: theo QĐ số 768/QĐ-ĐHTCM giờ chuẩn 270, Trường khoa: 70%)=102,6;

+ Từ 29/12/2017 đến 30/6/2020: theo QĐ số 2248/QĐ-ĐHTCM giờ chuẩn 270, Trường khoa: 70%)= 94,5.

- Năm học 2020-2021 như sau:

+ Từ 1/7/2020 đến 8/4/2021: theo QĐ số 948/QĐ-ĐHTCM giờ chuẩn 270, Trường khoa: 70%) = 141,75;

+ Từ 9/4/2021 đến nay: theo QĐ số 647/QĐ- ĐHTCM giờ chuẩn 310, Trường khoa: 60% = 46,5.

3. Ngoại ngữ:

3.1. Tên ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Tiếng anh

a) Được đào tạo ở nước ngoài:

- Học ĐH ; Tại nước:; Từ năm đến năm

- Bảo vệ luận văn ThS hoặc luận án TS hoặc TSKH; tại nước: năm.....

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước:

- Trường Đại học cấp bằng tốt nghiệp: Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, TP.HCM; số bằng: 01038/66KH2/2004. Năm cấp bằng: 2005.

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài:

+ Chương trình cử nhân và thạc sĩ của Trường Đại học Tài chính - Marketing liên kết với đại học HELP (Malaysia);

+ Chương trình thạc sĩ của Trường Đại học Tài chính - Marketing liên kết với NPU;

+ Chương trình quốc tế bậc đại học của Trường Đại học Tài chính - Marketing;

+ Chương trình liên kết quốc tế giữa Trường Đại học Sài Gòn và University of Applied Sciences – FH KREMS.

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ: Tiếng Anh

- Nơi giảng dạy: Trường Đại học Tài chính – Marketing và Trường Đại học Sài Gòn.

d) Đối tượng khác ; Diễn giải:

3.2. Tiếng Anh giao tiếp: Bằng cử nhân tiếng Anh (Bachelor of Arts in English)

4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

TT	Họ tên Học viên Cao học	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ ... đến ...	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH	Chính	Phụ			
1	Cao Phước Sơn		x	x		5/5/2015 đến 5/01/2016	Trường Đại học Tài chính - Marketing	12/01/2016
2	Nguyễn Thị Bảo Trân		x	x		01/4/2015 đến 01/10/2015	Trường Đại học Tài chính - Marketing	12/5/2016
3	Nguyễn Hoàng Mai Trâm		x	x		22/9/2015 đến 22/3/2016	Trường Đại học Tài chính - Marketing	28/10/2016
4	Thòng Cọc Hềch		x	x		12/6/2016 đến 12/12/2016	Trường Đại học Tài chính - Marketing	21/4/2017
5	Huỳnh Thanh Tiền		x	x		12/4/2016 đến 12/10/2016	Trường Đại học Ngoại ngữ - Tin học TP.HCM	14/9/2017
6	Thái Thị Bình Yên		x	x		01/11/2015 đến 30/4/2016	Trường Đại học Bình Dương	24/8/2017
7	Ngô Hùng Nghĩa		x	x		14/02/2017 đến 14/8/2017	Trường Đại học Tài chính - Marketing	6/4/2018
8	Phan Thiện Tâm		x	x		04/7/2018 đến 4/01/2019	Trường Đại học Tài chính - Marketing	23/9/2019
9	Nguyễn Thị Minh Thư		x	x		20/10/2018 đến 20/4/2019	Trường Đại học Ngoại ngữ - Tin học TP.HCM	4/12/2019

10	Lê Mai Hân		x	x		25/4/2019 đến 25/10/2019	Trường Đại học Tài chính - Marketing	28/02/2020
11	Nguyễn Thị Thu Phương		x	x		25/4/2019 đến 25/10/2019	Trường Đại học Tài chính - Marketing	28/02/2020
12	Trương Minh Hoàng		x	x		01/8/2019 đến 01/02/2020	Trường Đại học Tài chính - Marketing	23/9/2020

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên:

Toàn bộ sách được biên soạn sau khi ứng viên bảo vệ học vị Tiến sĩ.

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phần biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDĐH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
1	Kinh tế Quốc tế	GT	NXB Tài chính, 2016 ISBN: 978-604-79-1553-8	01	CB	MM	Giấy xác nhận số 01-GXN/ĐHTCM ngày 20/7/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài chính - Marketing
2	Chuỗi cung ứng – Từ lý thuyết đến thực tiễn	CK	NXB Kinh tế TP.HCM, 2017 ISBN: 978-604-922-471-3	01	CB	MM	Giấy xác nhận số 02-GXN/ĐHTCM ngày 20/7/2021 và GXN năm 2017 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài chính - Marketing
3	Quản trị Nguồn nhân lực – Nguyên tắc và vận dụng trong thực tiễn	TK	NXB Kinh tế TP.HCM, 2017 ISBN: 978-604-922-528-4	01	CB	MM	Giấy xác nhận số 3 - GXN/ĐHTCM ngày 20/7/2021 và GXN năm 2017 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài chính - Marketing
4	Quản trị Kinh doanh Quốc tế	GT	NXB Tài chính ISBN: 978-604-79-2847-7	03	CB	Lời nói đầu (iii-xx); Chương 1, 2 (1-124) và Chương 8 (448-496); TLTK (497-507)	Giấy xác nhận số 4-GXN/ĐHTCM ngày 20/7/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài chính - Marketing

5	Vietnam and the Global Economy Recent Developments in Vietnamese Business and Finance Chapter 19: Integration Supply chain: A case study at Vietnamese Dairy industry	TK	World Scientific Publishing, Singapore, 2020 ISBN: 978-981-122-7174	01	MM	Vol. 1 Chapter 19, 439-462 (Book Chapter)	Giấy xác nhận số 5-GXN/ĐHTCM ngày 20/7/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài chính-Marketing
---	---	----	---	----	----	---	--

Trong đó: số lượng (ghi rõ các số TT) sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản và chương sách do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản, mà ứng viên là chủ biên sau TS: [05].

- Các chữ viết tắt: CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn; phần ứng viên biên soạn cần ghi rõ từ trang.... đến trang..... (ví dụ: 17-56; 145-329).

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu:

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN /TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ
I	Trước khi được công nhận học vị Tiến sĩ				
1	Nghiên cứu chuỗi cung ứng và giải pháp để các doanh nghiệp Việt Nam có thể tham gia chuỗi cung ứng toàn cầu.	TG	B2008-09-51 Cấp Bộ	2010-2011	29/11/2011, Giỏi
II	Sau khi được công nhận học vị Tiến sĩ				
2	Nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến động cơ chọn ngành học của sinh viên trường CĐ Tài chính - Hải quan.	CN	13/NCKH-15 Cấp trường	2014-2015	27/3/2015, Khá
3	Tác động của vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) đến tăng trưởng kinh tế của TP.HCM.	CN	05/NCKH-15 Cấp trường	2015-2016	25/12/2015, Đạt
4	Nghiên cứu tác động của việc hình thành cộng đồng kinh tế Đông Nam Á (AEC) đến xuất nhập khẩu Việt Nam.	CN	06/NCKH-16 Cấp trường	2016-2017	8/11/2016, Khá
5	Nghiên cứu đối sách ứng phó với tác động của việc điều chỉnh mô hình phát triển kinh tế của Trung Quốc.	CN	2015/32 Cấp Bộ	2015-2017	9/02/2017, Giỏi

6	Vận dụng mô hình trọng lực trong thương mại nội ngành ngành hàng nông sản giữa Việt Nam và các nước thành viên WTO.	CN	02/NCKH-18 Cấp trường	2018-2019	5/01/2018, Khá
7	Xác định nhu cầu nhân lực làm nghề nhân sự trong các tổ chức tại TPHCM.	CN	04/NCKH-19 Cấp trường	2019-2020	5/10/2020, Giỏi
8	Đề án thực hiện chương trình đào tạo chất lượng cao bậc đại học, chuyên ngành Quản trị bán hàng thuộc ngành Quản trị Kinh doanh.	CN	149/QĐ- ĐHTCM Cấp trường	14/02/2020	3/11/2020, Giỏi
9	Ảnh hưởng của trí tuệ cảm xúc, ý định nghỉ việc, và sự hài lòng với công việc đến sự gắn kết và lòng trung thành của nhân viên trong ngành bán lẻ tại thành phố Hồ Chí Minh.	CN	1098/HĐ- ĐHTCM, Cấp trường	23/12/2020	15/7/2021, Giỏi

- Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, báo cáo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế):

7.1.a. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố:

TT	Tên bài báo/ báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỹ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, QI)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
I	Trước khi được công nhận học vị Tiến sĩ							
1	Vấn đề bán phá giá – chống bán phá giá đối với các doanh nghiệp xuất khẩu Việt Nam.	01	x	Tạp chí Khoa học và Đào tạo Ngân hàng, ĐH Ngân hàng/ ISSN 1859-011X	Tạp chí Khoa học chuyên ngành DMGSNN		87, 47-52	2009
2	Logistics ngành công nghiệp chế biến đồ gỗ Việt Nam trong tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế.	01	x	Tạp chí Kinh tế đối ngoại, ĐH Ngoại thương/ ISSN 1859-4050	Tạp chí Khoa học chuyên ngành DMGSNN		49, 36-44	2011

3	Các nhân tố ảnh hưởng đến tính hợp tác chuỗi cung ứng đồ gỗ vùng Đông Nam Bộ.	01	x	Tạp chí Phát triển Kinh tế, ĐH Kinh tế TP HCM ISSN 1859-1124	Tạp chí Khoa học chuyên ngành DMGSNN		254, 46-53	2012
II	Sau khi được công nhận học vị Tiến sĩ							
4	Tăng cường hợp tác nhằm phát triển bền vững chuỗi cung ứng đồ gỗ Việt Nam.	01	x	Tạp chí Phát triển Kinh tế, ĐH Kinh tế TP HCM ISSN 1859-1124	Tạp chí Khoa học chuyên ngành DMGSNN		270, 38-47	2013
5	Quan hệ giữa nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) với tăng trưởng kinh tế TP.HCM.	01	x	Tạp chí Khoa học và Công nghệ, ĐH Công nghiệp TP HCM ISSN 2525-2267	Tạp chí Khoa học chuyên ngành DMGSNN (lĩnh vực Kinh tế)		1 (22) 117-127	2016
6	Các yếu tố ảnh hưởng đến xuất khẩu gạo ở tỉnh Kiên Giang.	02	x	Tạp chí Phát triển và Hội nhập, ĐH Kinh tế Tài chính/ISSN 1859-428 X	Tạp chí Khoa học chuyên ngành DMGSNN		28 (38), 102-111	2016
7	Phát triển Thương mại Quốc tế bền vững đối với hàng nông lâm sản, nhìn từ góc độ Chuỗi Cung ứng toàn cầu.	01	x	Tạp chí Phát triển và Hội nhập, ĐH Kinh tế Tài chính ISSN 1859-428 X	Tạp chí Khoa học chuyên ngành DMGSNN		31 (41), 18-24	2016
8	Dự báo triển vọng thương mại của Việt Nam với AEC giai đoạn 2016-2020.	01	x	Tạp chí Kinh tế và Dự báo/ISBN 0866-7120	Tạp chí Khoa học chuyên ngành DMGSNN		28, 14-17	2016
9	Thấy gì từ việc Trung Quốc điều chỉnh mô hình tăng trưởng kinh tế	01	x	Tạp chí Kinh tế và Dự báo/ ISBN 0866-7120	Tạp chí Khoa học chuyên ngành DMGSNN		14, 70-73	2017

10	Factors impacting on the supply chain collaboration of Vietnamese Furniture Industry	01	x	2017 Kodisa International Conference on Business and Economics (ICBE2017)/ ISSN 2287-478X	Proceedings International Conference	Distinguished Research Award	241-243	2017
11	Factors impacting on the supply chain collaboration of the Furniture Industry in Vietnam.	01	x	Journal of Asian Finance, Economics and Business (JAFEB)/ 2288-4637(pISSN)/ 2288-4645(eISSN)		DOI: 10.13106 /jafeb .2017.vol4 .no4.67 6 Citations	4 (4), 67-77	2017
12	Thực tiễn xây dựng chuỗi cung ứng thiết bị đầu cuối cho các doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ, kiểm chứng tại MobiFone.	02	x	Tạp chí Công thương, Bộ Công thương ISSN 0866-7756	Tạp chí Khoa học chuyên ngành DMGSNN		8, 340-347	2017
13	Tiếp cận lý thuyết chuỗi giá trị nhằm tìm giải pháp cho xuất khẩu bền vững hàng hóa Việt Nam.	01	x	Tạp chí Nghiên cứu Kinh tế/ ISSN 0866-7489	Tạp chí Khoa học chuyên ngành DMGSNN		9(472), 12-18	2017
14	Yếu tố ảnh hưởng đến lòng trung thành của công nhân đối với doanh nghiệp trong ngành chế biến đồ gỗ: Kiểm chứng tại Việt Nam.	01	x	Tạp chí Công thương, Bộ Công thương/ ISSN 0866-7756	Tạp chí Khoa học chuyên ngành DMGSNN		10, 122-127	2017
15	AEC và những vấn đề đặt trong hoạt động thương mại nội khối.	01	x	Tạp chí Tài chính/ ISSN 005-56	Tạp chí Khoa học chuyên ngành DMGSNN		667, 24-27	2017

16	Tác động thực tiễn quản trị nguồn nhân lực đến sự gắn kết của giáo viên cơ hữu tại các trường PTTH ngoài công lập, kiểm chứng tại TP.HCM.	01	x	Hội thảo Khoa học Quốc gia Nâng cao năng lực Quản lý kinh tế và Quản trị kinh doanh trong bối cảnh CMCN 4.0 ISBN978-604-59-8986-9	Kỷ yếu Hội thảo Khoa học Quốc gia		445-453	2017
17	Các yếu tố ảnh hưởng đến ý định nghỉ việc của nhân viên văn phòng tại các doanh nghiệp tư nhân trên địa bàn TP.HCM.	02	x	Tạp chí Khoa học ĐH An Giang/ ISSN 0866-8086	Tạp chí Khoa học chuyên ngành DMGSNN		17(5), 30-46	2017
18	Yếu tố ảnh hưởng đến động lực làm việc của công chức tại Ủy ban nhân dân TP.HCM.	02	x	Tạp chí Công thương, Bộ Công thương/ ISSN 0866-7756	Tạp chí Khoa học chuyên ngành DMGSNN		11, 208-214	2017
19	Ảnh hưởng của Văn hoá tổ chức đến chia sẻ tri thức, kiểm chứng tại VNPT TPHCM	02	x	Tạp chí Kinh tế Châu Á Thái Bình Dương/ ISSN 0868-3808	Tạp chí Khoa học chuyên ngành DMGSNN		502, 41-43	2017
20	Thương mại nội ngành ngành hàng nông sản: nghiên cứu trường hợp Việt Nam và Tổ chức thương mại thế giới.	01	x	Tạp chí Nghiên cứu Kinh tế/ ISSN 0866-7489	Tạp chí Khoa học chuyên ngành DMGSNN		11(474) 70-78	2017

21	Ảnh hưởng của phong cách lãnh đạo đến sự gắn kết với tổ chức của giảng viên và nhân viên tại các trường đại học công lập ở Việt Nam.	02	x	Tạp chí Phát triển và Hội nhập, ĐH Kinh tế Tài chính ISSN 1859-428 X	Tạp chí Khoa học chuyên ngành DMGSNN		43(53), 50-57	2018
22	Ảnh hưởng của phong cách lãnh đạo đến sự gắn kết với tổ chức của người lao động tại đại học ngoại ngữ tin học TPHCM.	02	x	Tạp chí Kinh tế và Dự báo/ ISSN 0866-7120	Tạp chí Khoa học chuyên ngành DMGSNN		9(685), 45-49	2018
23	Thực trạng và xu hướng sáp nhập và mua lại (M&A) trong một số lĩnh vực then chốt tại Việt Nam dưới góc độ quản trị doanh nghiệp.	01	x	Tạp chí Công thương, Bộ Công thương/ ISSN 0866-7756	Tạp chí Khoa học chuyên ngành DMGSNN		2, 106-111	2018
24	Các nhân tố tác động đến sự hợp tác trong chuỗi cung ứng tại công ty Friesland Campina, Việt Nam.	02	x	Tạp chí Khoa học và Công nghệ ĐH Công nghiệp TPHCM ISSN 2525-2267	Tạp chí Khoa học chuyên ngành DMGSNN (lĩnh vực Kinh tế)		34, 98-105	2018
25	Ảnh hưởng của căng thẳng đến kết quả thực hiện công việc của nhân viên kinh doanh dịch vụ Logistics tại Việt Nam.	01	x	Tạp chí Công thương, Bộ Công thương/ ISSN 0866-7756	Tạp chí Khoa học chuyên ngành DMGSNN		4, 262-266	2018

26	Chiến lược mua lại và sáp nhập của các doanh nghiệp nhìn từ góc độ chuỗi cung ứng.	01	x	Tạp chí Nghiên cứu Kinh tế/ ISSN 0866-7489	Tạp chí Khoa học chuyên ngành DMGSNN		9(484), 26-34	2018
27	Các yếu tố ảnh hưởng đến ý định nghỉ việc của nhân viên tại bưu điện Thành phố Hồ Chí Minh.	02	x	Tạp chí Nghiên cứu Tài chính Marketing, ĐH Tài chính-Marketing p/e-ISSN 1859-3690	Tạp chí Khoa học chuyên ngành DMGSNN	DOI: 10.52932 /fm.vi52 .128	8(52), 22-35	2019
28	Các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định lựa chọn nhà cung cấp dịch vụ Logistics của các doanh nghiệp ngành đồ gỗ Việt Nam.	01	x	Tạp chí Phát triển và Hội nhập, ĐH Kinh tế Tài chính ISSN 1859-428 X	Tạp chí Khoa học chuyên ngành DMGSNN		47(57), 80-87	2019
29	The impact of leadership styles on the engagement of Cadets, Lecturers and Staff at Public Universities – Evidence from Vietnam	03	x	Journal of Asian Finance, Economics and Business (JA-FEB)/ ISBN 2288-4637	Scopus Q3	DOI: 10.13106/ jafeb.2019. vol6.no1. 273 4 citations	6(1) 273-280	2019
30	Factors effecting the supply chain integration of dairy industry, evidence from Vietnam.	01	x	The 2019 UEH International Conference on Business and Finance/ ISBN 978-604-922-764-6	International Conference	Co-session Chair https://vietnam2019.sciencesconf.org/program	1, 507-519	2019

31	The impact of factors on the decision to select Logistics service providers of Vietnamese furniture Enterprises	01	x	The 2019 UEH International Conference on Business and Finance/ ISBN 978-604-922-764-6	International Conference	Co-session Chair https://vietnam2019.sciencesconf.org/program	1, 806-816	2019
32	The Impacts of Transformational Leadership on Motivation of Employees: The Case of Employees at Vietnamese Small and Medium Enterprises.	01	x	30th Eurasia Business and Economics Society (EBES)/ ISBN 978-605-80042-0-7	International Conference in Malaysia	Certificate of Attendance and Presented by EBES	315-328	2020
33	Applying Supply chain model to improve terminal device distribution, case study at Mobifone.	01	x	CODI2020 on Commerce and Distribution/ ISBN 978-604-60-3150-5	International Conference	Online Conference (due to Covid)	927-938	2020
34	The impacts of fourth industrial revolution on performance of Human Resources: A case of Logistics industry, Vietnam.	01	x	The 2020 UEH International Conference on Business and Finance/ ISBN 978-604-301-028-2	International Conference	Online Conference (due to Covid)	1434-1452	2020
35	A study of effects of transformational leadership on work motivation: A case of employees at Small and Medium Enterprises in Vietnam	01	x	Management Science Letters/ e-ISSN 1923-9343/9335	Scopus Q2	DOI: 10.5267/j.msl.2020.8.032 2 Citations	11, 41-48	2020

36	Model of Job stress on turnover intention, a critical study at Logistics industry, Evidence from Vietnam	01	x	Proceedings the third IC on the Sustainable Economic Development and Business Management in The context of Globalisation (SEDBM 2020)/ pISBN 978-604-79-2531-5	International Conference (Academy of Finance)	Co-session Chair (Academy of Finance)	410-412	2020
37	Các nhân tố ảnh hưởng đến sự thoải mái của người lao động tại VNPT chi nhánh Cà Mau	02	x	Tạp chí Công thương, Bộ Công thương/ ISSN 0866-7756	Tạp chí Khoa học chuyên ngành DMGSNN		26, 192-199	2020
38	A review of human capital for sustainable development, case of tourism industry in Vietnam	01	x	Proceedings the fourth IC on the Sustainable Economic Development and Business Management in The context of Globalisation (SEDBM 2020)/ pISBN 978-604-79-2601-5	International Conference	University of Finance – Marketing (HCMC)	1201-1212	2020
39	Using supply chain integration theory for establish industrial cluster to facilitate the growth of Small and Medium enterprises: Evidence in Vietnam	02	x	Journal of Security and Sustainability Issues/ eISSN 2029-7017; pISSN 2029-7025	Scopus Q2	DOI: 10.9770/jssi.2020.10.2(31) 63-777	10.2 (31), 763-777	2020

40	Impacts of Job Stress and Dissatisfaction on Turnover intention: A critical analysis of Logistics industry, Evidence from Vietnam	01	x	International Journal of Economics and Business Administration (IJEBA)/ eISSN 2241-4754	Scopus Q3	DOI: 10.35808/ijebe/640	4(8), 914-929	2020
41	Nhu cầu nhân lực làm nghề nhân sự tại các DN trên địa bàn TP.HCM	02	x	Tạp chí Nghiên cứu Tài chính Marketing, ĐH Tài chính-Marketing/ p/eISSN 1859-3690	Tạp chí Khoa học chuyên ngành DMGSNN	DOI: 10.52932/jfm.v1i61.68	61, 82-93	2021
42	Ảnh hưởng của văn hóa doanh nghiệp đến duy trì nguồn nhân lực tại Công ty cổ phần quốc tế Phong Phú.	02	x	Tạp chí Nghiên cứu Tài chính Marketing, ĐH Tài chính-Marketing/ p/eISSN 1859-3690	Tạp chí Khoa học chuyên ngành DMGSNN	Thư xác nhận đăng bài của Tổng Biên tập, giữ nguyên nội dung sau phản biện gồm 7.443 từ	66, (12/21)	2021
43	Employing quantile regression for influences of human resource management on employee performance	02		Research in World Economy/ pISSN 1923-3981; eISSN: 1923-399X	H index=4	DOI: 10.5430/rwe.v12n1p156	12(1) Special Issue, 156-165	2021
44	Adoption of Supply Chain Model to improve terminal device distribution at Mobifone: Evidence from Vietnam	02	x	International Journal of Economics and Business Administration/e-ISSN: 2241-4754	IF=0.71/ ISI=1.245/ H index=10	DOI: 10.35808/ijebe/654	9(1) 3-18	2021

45	Động lực phụng sự công: Một nghiên cứu hành vi của công chức tại Cục Kiểm định Hải quan, Việt Nam	02	x	Tạp chí Công thương Bộ Công thương ISSN 0866-7756	Tạp chí Khoa học chuyên ngành DMGSNN		6, 167-173	2021
46	Ảnh hưởng của Văn hoá Doanh nghiệp đến kết quả thực hiện công việc của người lao động tại Công ty cổ phần bất động sản Okamura Sanyo	02	x	Tạp chí Khoa học Kinh tế và Quản trị Kinh doanh – ĐH Mở TP.HCM (HCMCOUJS) p/e-ISSN 1849-3453	Tạp chí Khoa học chuyên ngành DMGSNN (lĩnh vực Kinh tế)	DOI: 10.46223/HCMCOUJS.econ.vi.17.1.1782.2022	17(1) 5-16	2021
47	Relations of Public Service Motivation and Job Performance, Evidence from Vietnam	01	x	Polish Journal of Management of Studies/ eISSN: 2081-7452	Scopus Q3 H index=21 Impact score=2.28	DOI: 10.17512/pjms . 2021.23.1.24	23(1), 385-402	2021
48	Nhu cầu nhân lực trong các Khu công nghiệp tỉnh Bình Dương và gợi ý chính sách duy trì nguồn nhân lực cho các Doanh nghiệp	02	x	Tạp chí Kinh tế và Dự báo/ ISSN 0866-7120	Tạp chí Khoa học chuyên ngành DMGSNN		15, 123-127	2021
49	Phát triển mô hình chuỗi cửa hàng tiện lợi nhằm tăng thu hút lựa chọn của khách hàng trong bối cảnh bán lẻ hiện đại	01	x	Tạp chí Nghiên cứu Kinh tế/ ISSN 0866-7489	Tạp chí Khoa học chuyên ngành DMGSNN		6(517), 35-44	2021

50	Ảnh hưởng của trí tuệ cảm xúc, Ý định nghỉ việc và Sự hài lòng với công việc với Sự cam kết và Lòng trung thành của nhân viên trong ngành bán lẻ tại Thành phố Hồ Chí Minh	05	x	Tạp chí Nghiên cứu Tài chính Marketing, ĐH Tài chính-Marketing/ e/pISSN 1859-3690	Tạp chí Khoa học chuyên ngành DMGSNN	https://doi.org/10.52932/jfm.vi63	63, 76-89	2021
51	Employing augmented dickey-fuller regressions and vector autoregressive model to affirm relations of ODA and GDP for the sustainable development in Vietnam	01	x	Academy of Strategic Management Journal/ pISSN: 1544-1458, eISSN: 1939-6104	Scopus Q3, H index=17 Impact score=1.03	abacademies.org/journals/academy-of-strategic-management-journal-inpress.html	Vol.20, Special Issue 6, 1-14	2021
52	Entrepreneurship barriers, A case study of Small and Medium Enterprises in some typical sectors, Evidence from Vietnam	02	x	Journal of Recista Gentec-Gestao Inovacao E Tecnologicas/ eISSN 2237-0722	ISI/ESCI	https://doi.org/10.47059/revistageintec.v11i3.2011	11(3), 1298-1319	2021
53	Đánh giá tổng quan mối quan hệ giữa vốn nhân lực với phát triển bền vững trong các nghiên cứu thực nghiệm	01	x	Hội thảo khoa học quốc gia về “Quản trị công ty đương đại ở Việt Nam-Những vấn đề đặt ra”, ISBN: 978-604-79-2825-5	Kỷ yếu Hội thảo Quốc gia		355-368	2021

54	Tác động của phong cách lãnh đạo trao quyền đến hành vi sáng tạo thông qua sự hài lòng của cán bộ công chức tỉnh Bình Dương	01	x	Tạp chí Phát triển Khoa học & Công nghệ- ĐH Kinh tế Luật TP HCM (STDJELM)/ ISSN: 2588 – 1051	Tạp chí Khoa học chuyên ngành DMGSNN	http://stdjelm.scienceandtechnology.com.vn/index.php/stdjelm/article/view/845	5(4), 1948-1959	2021
55	Impacts of covid-19 pandemic on Human Resource Management practices: An analysis of work from home in Vietnam	01	x	Proceedings the International Conference on Business based on Digital Platform – BDP 2021”, ISBN 978-604-79-2936-8	International Conference		439-449	2021

7.1.b. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố (*Dành cho các chuyên ngành thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự được quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg*): Không.

7.2. Bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích: Không có.

7.3. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế: Không có.

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

TT	Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KHCN	Vai trò UV (Chủ trì/ Tham gia)	Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm)	Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng	Văn bản đưa vào áp dụng thực tế	Ghi chú
1	Đề án: Rà soát chỉnh sửa cập nhật chương trình đào tạo bậc Thạc sĩ ngành QTKD năm 2020	Tổ trưởng	377/QĐ-ĐHTCM, 24/3/2020	Biên bản họp HĐ Khoa học trường ĐHTCM vào 5/11/2020	Quyết định số 2247/QĐ-ĐHTCM, 11/11/2020	Giấy xác nhận số 6-GXN/ĐHTCM ngày 20/7/2021 của Hiệu trưởng trường Đại học Tài chính-Marketing

2	Rà soát chỉnh sửa cập nhật chương trình đào tạo bậc Tiến sĩ ngành QTKD năm 2019 theo Kế hoạch 555/KH-ĐHTCM ngày 28/5/2019	Tham gia	2069/QĐ-ĐHTCM, 02/10/2019	Biên bản họp HĐ Khoa học trường ĐHTCM vào 13/11/2019	Quyết định số 2103//QĐ-ĐHTCM, 08/12/2019	Giấy xác nhận số 7- GXN/ĐHTCM ngày 20/7/2021 của Hiệu trưởng trường Đại học Tài chính-Marketing
3	Rà soát chỉnh sửa cập nhật chương trình đào tạo bậc đại học ngành QTKD theo hướng dẫn số 752/HD-ĐHTCM ngày 31/5/2019	Tổ trưởng	1031/QĐ-ĐHTCM ngày 28/5/2019	Biên bản họp HĐ Khoa học trường ĐHTCM vào 26/9/2019	Quyết định số 2092/QĐ-ĐHTCM; Quyết định số 2101/QĐ-ĐHTCM, 08/10/2019	Giấy xác nhận số 8- GXN/ĐHTCM ngày 20/7/2021 của Hiệu trưởng trường Đại học Tài chính-Marketing
4	Đánh giá ngoài (kiểm định chất lượng) chương trình đào tạo bậc thạc sĩ ngành Quản trị Kinh doanh theo Kế hoạch số 736/KH-ĐHTCM-HĐTĐG-CTĐT ngày 29/5/2018 của Hiệu trưởng	Thành viên	QĐ số 882/QĐ-ĐHTCM ngày 29/5/2018 và QĐ số 796/QĐ-ĐHTCM ngày 25/4/2019 của Hiệu trưởng	Trung tâm kiểm định chất lượng ĐH Quốc gia TPHCM	Giấy chứng nhận Kiểm định chất lượng của Trung tâm kiểm định chất lượng ĐH Quốc gia TPHCM	Giấy xác nhận số 9- GXN/ĐHTCM ngày 20/7/2021 của Hiệu trưởng trường Đại học Tài chính-Marketing
5	Đánh giá ngoài (kiểm định chất lượng) chương trình đào tạo bậc cử nhân chất lượng cao chuyên ngành Quản trị Kinh doanh tổng hợp theo Kế hoạch số 744/KH-ĐHTCM-HĐTĐG-CTĐT ngày 29/5/2018 của Hiệu trưởng	Phó Chủ tịch	QĐ số 890/QĐ-ĐHTCM ngày 29/5/2018; QĐ số 1949/QĐ-ĐHTCM ngày 22/10/2018 và 804/QĐ-ĐHTCM ngày 25/4/2019 của Hiệu trưởng	Trung tâm kiểm định chất lượng ĐH Quốc gia TPHCM	Giấy chứng nhận Kiểm định chất lượng của Trung tâm kiểm định chất lượng ĐH Quốc gia TPHCM	Giấy xác nhận số 10- GXN/ĐHTCM ngày 20/7/2021 của Hiệu trưởng trường Đại học Tài chính-Marketing

6	Tự đánh giá trình đào tạo bậc cử nhân ngành Quản trị Kinh doanh tổng hợp theo Kế hoạch số 244/KH- ĐHTCM- HĐTĐG-CTĐT ngày 10/3/2020	Phó Chủ tịch	QĐ số 297/QĐ- ĐHTCM ngày 10/3/2020 và QĐ số 1973/QĐ- ĐHTCM ngày 12/10/2020 của Hiệu trưởng	Hội đồng tự đánh giá theo Kế hoạch số 244/KH- ĐHTCM	Thông báo Kết luận của Hiệu trưởng 1511/TB- ĐHTCM ngày 20/10/2020	Giấy xác nhận số 11- GXN/ĐHTCM ngày 20/7/2021 của Hiệu trưởng Đại học Tài chính- Marketing
---	--	-----------------	---	---	--	---

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học thay thế*:
Không.

**C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN
CHỨC DANH:**

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp
luật./.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 10 năm 2021
NGƯỜI ĐĂNG KÝ



Huỳnh Thị Thu Sương